

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HS-ST
Ngày 27-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Hóa

Ông Vũ Văn Lầy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 965/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Xuân H, sinh năm 1991, tại Hải Phòng; nơi cư trú: V, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình H và bà Lê Thị H; bị cáo chưa vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 10/5/2018, tạm giam ngày 11/5/2018; có mặt tại phiên tòa.

- Người tham gia tố tụng khác

Người làm chứng

- Anh Nguyễn Thái G, vắng mặt.

- Anh Nguyễn Tuấn C, vắng mặt.

- Anh Trần Đức H, vắng mặt.

- Anh Nguyễn Quang T, vắng mặt.

- Anh Bùi Văn N, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 15 phút ngày 09/5/2018, tại trước cửa nhà số 404 đường T, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng, tổ công tác đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận K kết hợp với tổ công tác Công an huyện A kiểm tra hành chính 02 đối tượng Trần Xuân H và Bùi Văn N đi xe mô tô không mang biển kiểm soát, không đội mũ bảo hiểm, không chấp hành hiệu lệnh dừng xe để kiểm tra của cơ quan Công an. Quá trình kiểm tra phát hiện bị cáo Trần Xuân H có hành vi tàng trữ 02 túi nilon bên trong có chứa tinh thể màu trắng.

Tang vật thu giữ:

- Thu giữ ở bên trong phía trước quần sịp của bị cáo Trần Xuân H 02 túi nilon kích thước 04x04cm bên trong có chứa tinh thể màu trắng; 01 điện thoại Nokia màu đen đã qua sử dụng; 01 ví nam màu đen bên trong có 1.505.000 đồng.

- Thu giữ trong cốp xe YAMAHA không biển kiểm soát: 01 sổ hộ khẩu số 469 chủ hộ là Nguyễn Thế Nghị; 02 giấy hẹn trả thẻ căn cước công dân có tên Trương Thị Mai A, Trần Thị KH; 01 sổ khám bệnh mang tên Trương Thị Mai A.

- Thu giữ của Bùi Văn N số tiền 327.000 đồng; 01 điện thoại Masstel A106.

Tại Kết luận giám định số 234/KLGĐ(DD6) ngày 11/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: “ Tinh thể màu trắng chứa trong 02 túi nilon đựng trong bì thư còn nguyên niêm phong. Mẫu tinh thể gửi giám định là ma túy, có khối lượng 6,8975gam là loại Methamphetamine”

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo Trần Xuân H tại V, Đ, A, Hải Phòng. Quá trình khám xét không thu giữ bất kỳ thứ gì liên quan đến ma túy.

Vật chứng:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại số tiền 327.000 đồng; 01 điện thoại Masstel A106 cho Bùi Văn N

- Chuyển Chi cục thi hành án dân sự quận K số ma túy còn lại sau giám định trong bì thư được niêm phong số 234/2018; 01 điện thoại Nokia màu đen đã qua sử dụng; 01 ví nam màu đen; số tiền 1.505.000 đồng.

- Đối với chiếc xe mô tô YAMAHA không biển kiểm soát, qua xác minh xác định chiếc xe mô tô YAMAHA được đăng ký mang biển kiểm soát 15B1-90382 là tài sản của anh Trần Đức H, khoảng tháng 7/2014, do không có nhu cầu sử dụng nên anh Hải đã bán chiếc xe. Đến khoảng tháng 8/2018 anh Nguyễn Tuấn C mua lại chiếc xe trên về sử dụng. Quá trình sử dụng biển kiểm soát đã bị rơi mất. Ngày 04/5/2018, anh C cho Nguyễn Thái G mượn để sử dụng. Ngày 07/5/2018, G bị Công an tỉnh Quảng Ninh bắt. Giang nhờ bị cáo Trần Xuân H trả xe cho anh C, nH bị cáo Trần Xuân H chưa kịp trả thì bị cơ quan Công an quận K bắt giữ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe

nêu trên và toàn bộ giấy tờ trong cốp xe cho anh Nguyễn Tuấn C.

Tại bản Cáo trạng số: 36/CT-VKS ngày 16/10/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Trần Xuân H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Xuân H mức án từ 06- 07 năm tù; vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy là vật chứng của vụ án; trả lại cho bị cáo 01 ví da màu đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại Nokia vỏ nhựa màu đen đã qua sử dụng; số tiền 1.505.000 đồng nH tạm giữ để đảm bảo thi hành án; hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng; bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, quá trình điều tra bị cáo Trần Xuân H khai nhận nội dung như sau:

- Khoảng hơn 22 giờ ngày 09/5/2018, bị cáo Trần Xuân H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA không biển kiểm soát chở Bùi Văn N và Bùi Xuân D đi ăn bánh mì. Cả ba đều không đội mũ bảo hiểm. Khi đi đến khu vực đầu làng V, AD, A, Hải Phòng, các đối tượng bị Công an huyện A ra tín hiệu dừng phương tiện để kiểm tra. Bị cáo Trần Xuân H không chấp hành, điều khiển xe bỏ chạy. Khi đến khu vực đường Máng nước, gần nhà văn hóa V, Bùi Xuân D ngồi sau nhảy xuống, bỏ chạy. Bị cáo Trần Xuân H tiếp tục điều khiển xe chở Bùi Văn N chạy qua cầu K lưu thông theo hướng ngã tư Công Đội về ngã tư hiệu sách nhân dân K. Tại ngã tư hiệu sách nhân dân quận K, Công an quận K ra tín hiệu dừng phương tiện để kiểm tra. Bị cáo Trần Xuân H không chấp hành, tiếp tục điều khiển xe bỏ chạy về hướng ngã 5 K. Công an quận K phối hợp cùng Công an huyện A truy đuổi 02 đối tượng. Đến trước cửa nhà 404 đường T, K, Bùi Văn N ngồi sau nhảy xuống, bị cáo Trần Xuân H bóp mạnh phanh xe khiến xe đổ ra lòng đường. Bị cáo Trần Xuân H tiếp tục chạy bộ được khoảng 02- 03m thì bị Công an bắt giữ như đã nêu trên, bị cáo khai N và D không biết số ma túy mà bị cáo tàng trữ trong người.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng và các tài liệu có trong hồ sơ, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Xuân H đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy mục đích sử dụng có trọng lượng 6,8975gam Methamphetamine, bị Công an quận K bắt quả tang tại số nhà 404 đường T, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng và thu giữ toàn bộ vật chứng. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Trần Xuân H đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Tình tiết tăng nặng: Không

Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

[4] Đánh giá tính chất vụ án là nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm chính sách độc quyền của Nhà nước về chất ma túy mà còn xâm phạm trật tự trị an xã hội. Vì vậy cần xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian theo quy định của pháp luật.

[5] Vật chứng của vụ án:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong số 234/2018 của Phòng PC 54-Công an thành phố Hải Phòng;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo 01 ví da màu đen đã qua sử dụng được niêm phong trong một bì thư; 01 điện thoại Nokia vỏ nhựa màu đen đã qua sử dụng được niêm phong trong một bì thư; số tiền 1.505.000 đồng (Biên lai thu tiền số 000300 ngày 17/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K) do không phải là vật chứng, NH tạm giữ để đảm bảo thi hành án; theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/10/2018.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại số tiền 327.000 đồng; 01 điện thoại Masstel A106 cho Bùi Văn Ngọc.

[6] Hình phạt bổ sung: Tại Biên bản xác minh ngày 15/5/2018 của Công an quận K thể hiện bị cáo không nằm trong diện chính sách, hộ nghèo của địa phương, vì vậy phạt tiền bị cáo là 5.000.000 đồng theo quy định của pháp luật (căn cứ khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự).

[7] Đối với Bùi Văn N không biết và không liên quan đến việc tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Trần Xuân H do vậy Công an quận K không xử lý.

[8] Đối với Bùi Xuân D hiện không có mặt tại địa phương, Công an quận K tiếp tục điều tra, xử lý sau.

[9] Đối với đối tượng bán ma túy cho bị cáo Trần Xuân H tại đường tàu Trần Nguyên Hãn vào chiều ngày 09/5/2018 với giá 3.000.000 đồng, hiện không xác minh được nhân thân, lai lịch, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K tiếp tục điều tra, xử lý sau

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[11] Lời nói sau cùng của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[12] Bị cáo phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[13] Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2, khoản 5 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt bị cáo Trần Xuân H 06 năm 06 tháng (sáu năm sáu tháng) tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 10/5/2018.

Vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong số 234/2018 của phòng PC 54-CATP Hải Phòng

Trả lại cho bị cáo 01 ví da màu đen đã qua sử dụng được niêm phong trong một bì thư; 01 điện thoại Nokia vỏ nhựa màu đen đã qua sử dụng được niêm phong trong một bì thư; số tiền 1.505.00 đồng (Biên lai thu tiền số 000300 ngày 17/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K) nH tạm giữ để đảm bảo thi hành án theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/10/2018.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Trần Xuân H 5.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- VKSND TP Hải Phòng
- Chi cục THADS quận K;
- Trại giam Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Lưu: HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Thị Nhân

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xóa. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại

và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

*Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao
hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1
Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những
nơi cần lưu bản án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)